

Yêu cầu :

Anh, Chị hãy tiến hành phân loại các đối tượng kế toán theo nội dung kinh tế, hay nói cách khác là phân loại theo tài khoản tài sản, nguồn vốn, doanh thu, và chi phí và đánh dấu thích hợp vào các ô trống theo từng cột.

3.3.2 Bài tập số 02

Giả sử sau đây là một số tài khoản được sử dụng tại công ty TNHH An Thái, được ghi nhận trong hệ thống kế toán được cho dưới đây :

1. Tiền gửi ngân hàng
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
3. Nguyên liệu chính
4. Phụ tùng thay thế
5. Chi phí tài chính
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
7. Nhà cửa
8. Cổ phiếu quỹ
9. Hàng hóa
10. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
11. Nhãn hiệu thương mại
12. Công cụ, dụng cụ
13. Trái phiếu phát hành
14. Giá vốn hàng bán
15. Đầu tư công ty liên kết
16. Phải trả người bán

17. Vay ngắn hạn ngân hàng Á Châu
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp
19. Nguồn vốn kinh doanh
20. Đầu tư vào công ty con
21. Quỹ đầu tư phát triển
22. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
23. Quỹ khen thưởng phúc lợi
24. Lãi chưa phân phối
25. Phải trả phải nộp khác
26. Hao mòn tài sản cố định
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
28. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
29. Hàng mua đi trên đường
30. Tiền mặt
31. Dự phòng phải trả
32. Vốn góp liên doanh
33. Hàng hóa kho bảo thuế
34. Thành phẩm
35. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
36. Thuế GTGT được khấu trừ
37. Bất động sản đầu tư
38. Nợ dài hạn đến hạn trả
39. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn
40. Xây dựng cơ bản dở dang

Yêu cầu :

Anh, Chị hãy trình bày kết cấu của các tài khoản trên đây.

3.3.3 Bài tập số 03

Tại một công ty TNHH Thái Sơn trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 15.000.000 đồng.
2. Chi tiền mặt để trả lương cho nhân viên 10.000.000 đồng.
3. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 40.000.000 đồng.
4. Nhập kho vật liệu trị giá 20.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.
5. Mua công cụ nhập kho trị giá 5.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.
6. Chi tiền mặt 3.000.000 đồng để tạm ứng cho nhân viên đi công tác.
7. Vay ngắn hạn ngân hàng 25.000.000 đồng để trả nợ người bán.
8. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển 20.000.000 đồng.
9. Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp một tài sản cố định hữu hình trị giá 50.000.000 đồng.
10. Cổ đông góp thêm vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 30.000.000 đồng.
11. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 10.000.000 đồng.
12. Doanh nghiệp tạm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp 10.000.000 đồng bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

Lập định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sơ đồ tài khoản.

3.3.4 Bài tập số 04

Tại một công ty TNHH An Phú trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp một tài sản cố định hữu hình trị giá 500.000.000 đồng.
2. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 150.000.000 đồng.
3. Mua công cụ nhập kho trị giá 8.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.
4. Chi tiền mặt 12.000.000 đồng để tạm ứng cho nhân viên đi công tác.
5. Chi tiền mặt để trả lương cho nhân viên 20.000.000 đồng.
6. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 140.000.000 đồng.
7. Nhập kho vật liệu trị giá 80.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.
8. Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 130.000.000 đồng.
9. Nhập kho nguyên vật liệu trị giá 100.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền cho người bán.
10. Vay ngắn hạn ngân hàng 100.000.000 đồng để trả nợ người bán.
11. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển 30.000.000 đồng.

12. Nhập kho một số công cụ, dụng cụ trị giá 20.000.000 đồng, chưa trả tiền cho người bán.
13. Doanh nghiệp tạm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp 20.000.000 đồng bằng tiền mặt.
14. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 20.000.000 đồng.

Yêu cầu :

Lập định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sơ đồ tài khoản. Hãy chọn những nghiệp vụ kinh tế phát sinh như trên để gộp lại thành các định khoản phức tạp. Nêu lại nội dung kinh tế của chúng và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.

3.3.5 Bài tập số 05

Tại doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại Phương Trinh, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

Tài liệu 1 : Số liệu có liên quan đến các khoản phải thu khách hàng đầu kỳ :

- Phải thu khách hàng A : 50.000.000 đồng
- Phải thu khách hàng M : 12.000.000 đồng

Tài liệu 2 : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ có liên quan đến các khoản phải thu khách hàng :

1. Xuất kho hàng bán chưa thu tiền khách hàng B 240.000.000 đồng.
2. Nhận được giấy báo có ngân hàng về khoản tiền khách hàng A thanh toán 50.000.000 đồng.
3. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 50.000.000 đồng.

4. Thanh lý tài sản cố định với giá thanh lý là 60.000.000 đồng, chưa thu tiền khách hàng C.
5. Khách hàng B thanh toán cho đơn vị phân nửa tiền mua hàng ở nghiệp vụ 1 bằng tiền mặt.
6. Xuất kho thành phẩm bán trực tiếp cho khách hàng X, trị giá bán lô hàng là 400.000.000 đồng, khách hàng X đã thanh toán phân nửa giá trị lô hàng bằng tiền mặt, phần còn lại sẽ thanh toán trong vòng 1 tháng.
7. Khách hàng X ở nghiệp vụ 6 thông báo lô hàng đã mua bị kém phẩm chất, đơn vị chấp nhận giảm 10% giá trị lô hàng cho khách hàng X.
8. Khách hàng M trả nợ cho doanh nghiệp 10.000.000 đồng.
9. Xóa hết nợ cho khách hàng M trị giá 2.000.000 đồng.
10. Khách hàng X tiến hành thanh toán hết nợ phải trả cho đơn vị bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Hãy phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào tài khoản phải thu khách hàng.
2. Tính tổng phát sinh tăng, tổng phát sinh giảm và số dư cuối kỳ của tài khoản phải thu khách hàng.

3.3.6 Bài tập số 06

Tại doanh nghiệp X có các tài liệu sau :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2007

Đơn vị tính : triệu đồng

TÀI SẢN	Số tiền	NGUỒN VỐN	Số tiền
I. Tài sản lưu động	1.600	I. Nợ phải trả	3.000
1. Tiền mặt	50	1. Vay ngắn hạn	1.300
2. Tiền gửi ngân hàng	850	2. Phải trả người bán	120
3. Phải thu của khách hàng	150	3. Người mua trả tiền trước	80
4. Tạm ứng	50	4. Phải nộp ngân sách	30
5. Nguyên vật liệu	300	5. Phải trả nhân viên	70
6. Công cụ	40	6. Phải trả khác	100
7. Chi phí sản xuất dở dang	10	7. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50
8. Thành phẩm	150	8. Vay dài hạn	1.250
II. Tài sản cố định	4.600	II. Nguồn vốn chủ sở hữu	3.200
1. Tài sản cố định hữu hình	4.000	1. Nguồn vốn kinh doanh	2.500
2. Tài sản cố định vô hình	1.000	2. Quỹ đầu tư phát triển	400
3. Hao mòn tài sản cố định	(400)	3. Lãi chưa phân phối	300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.200	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.200

Trong tháng 01/2008 có các nghiệp vụ kinh tế sau phát sinh :

1. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 20.000.000 đồng và bằng tiền gửi ngân hàng 100.000.000 đồng.
2. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên 50.000.000 đồng.
3. Nhập kho nguyên vật liệu trị giá 50.000.000 đồng và công cụ, dụng cụ 20.000.000 đồng chưa trả tiền người bán.

4. Trả nợ người bán 100.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.
5. Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt 150.000.000 đồng.
6. Chi tiền mặt trả lương nhân viên 25.000.000 đồng.
7. Dùng TGNH trả nợ vay ngắn hạn 150 triệu đồng và thanh toán cho khoản trả, phải nộp nhà nước là 25.000.000 đồng.
8. Nhập kho 45.000.000 đồng nguyên vật liệu được mua bằng tiền tạm ứng.
9. Dùng lãi bổ sung nguồn vốn kinh doanh 100.000.000 đồng, quỹ đầu tư phát triển 30.000.000 đồng.
10. Nhận góp vốn liên doanh một tài sản cố định hữu hình trị giá 200.000.000 đồng.
11. Chi tiền mặt trả nợ khoản phải trả khác 25.000.000 đồng.
12. Nhập kho 10.000.000 đồng dụng cụ nhỏ được mua bằng tiền gửi ngân hàng.

Yêu cầu :

Lập định khoản, phản ánh vào sơ đồ tài khoản, lập bảng cân đối tài khoản và bảng cân đối kế toán vào ngày 31/01/2008 của doanh nghiệp X.

3.3.7 Bài tập số 07

Tại doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại Kinh Đô, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Bổ sung vốn kinh doanh bằng tiền mặt 300.000.000 đồng.
2. Xuất quỹ tiền mặt 400.000.000 đồng trả tiền vay dài hạn ngân hàng.
3. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 500.000.000 đồng.

4. Vay ngắn hạn của công ty X một khoản tiền 150.000.000 đồng trong thời hạn 1 năm, đã nhập quỹ tiền mặt.
5. Xuất quỹ tiền mặt 50.000.000 đồng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà nước.
6. Thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt 10.000.000 đồng.
7. Khách hàng thanh toán tiền mua hàng bằng tiền mặt 200.000.000 đồng.
8. Xuất quỹ tiền mặt 5.000.000 đồng hỗ trợ phong trào xây nhà tình thương của thành phố.
9. Xuất quỹ tiền mặt 40.000.000 đồng trả tiền mua nguyên vật liệu cho nhà cung cấp.
10. Khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp 150.000.000 đồng bằng tiền mặt.
11. Doanh nghiệp trả nợ cho khách hàng 100.000.000 đồng bằng tiền mặt.
12. Cuối kỳ, kiểm kê quỹ phát hiện thừa một khoản tiền 1.000.000 đồng chưa rõ nguyên nhân.

Yêu cầu :

1. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào tài khoản tiền mặt.
2. Tính tổng phát sinh tăng, tổng phát sinh giảm và số dư cuối kỳ của tài khoản tiền mặt. Biết rằng, số dư đầu kỳ của tài khoản tiền mặt là 200.000.000 đồng.

3.3.8 Bài tập số 08

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Trường Giang, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

Tài liệu 1 :

Số liệu có liên quan đến các khoản phải người bán đầu kỳ :

- Phải trả người bán X : 80.000.000 đồng
- Phải trả người bán Y : 90.000.000 đồng
- Phải trả người bán C : 50.000.000 đồng

Tài liệu 2 :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ có liên quan đến các khoản phải trả người bán :

1. Thanh toán hết khoản phải trả cho người bán X bằng tiền gửi ngân hàng.
2. Mua nguyên vật liệu nhập kho trị giá 120.000.000 đồng, chưa thanh toán tiền cho người bán Z.
3. Người bán Z ở nghiệp vụ 2 đồng ý giảm giá 10% giá trị lô nguyên vật liệu vì hàng kém phẩm chất.
4. Mua tài sản cố định trị giá 600.000.000 đồng, đã thanh toán 2/3 bằng chuyển khoản, phần còn lại nợ người bán M.
5. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán hết khoản tiền nợ người bán Z.
6. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán 1/2 khoản nợ người bán Y.
7. Mua công cụ dụng cụ nhập kho trị giá 10.000.000 đồng chưa thanh toán tiền người bán E.
8. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán hết nợ cho người bán M.
9. Mua một tài sản cố định hữu hình trị giá 200.000.000 đồng, chưa thanh toán cho người bán K
10. Mua hàng hóa trị giá 100.000.000 đồng, chưa thanh toán cho người bán.

Yêu cầu :

1. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào tài khoản phải trả người bán.
2. Tính tổng phát sinh tăng, tổng phát sinh giảm và số dư cuối kỳ của tài khoản phải trả người bán.

3.3.9 Bài tập số 09

Tại công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Long, trong có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

Tài liệu 1 :

Số liệu có liên quan đến nguồn vốn kinh doanh đầu kỳ :

- Vốn của ông A : 800.000.000 đồng
- Vốn của ông B : 400.000.000 đồng
- Vốn của ông C : 600.000.000 đồng

Tài liệu 2 :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ :

1. Cổ đông A góp vốn vào doanh nghiệp 1 tài sản cố định trị giá 200.000.000 đồng.
2. Ông B góp thêm 100.000.000 đồng bằng tiền gửi ngân hàng.
3. Doanh nghiệp dùng quỹ đầu tư phát triển bổ sung nguồn vốn kinh doanh 100.000.000 đồng.
4. Nhận góp vốn tham gia liên doanh bằng tiền mặt 500.000.000 đồng.
5. Ông A chuyển nhượng 100.000.000 đồng cho ông C bằng tiền mặt.

6. Ông C chuyển lại 1/3 phần vốn của mình cho ông B trị giá 200.000.000 đồng, bằng chuyển khoản.
7. Thực hiện bút toán kết chuyển nguồn vốn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang nguồn vốn kinh doanh 400.000.000 đồng.
8. Xuất quỹ tiền mặt trả lại vốn góp cho công ty X 200.000.000 đồng.
9. Xuất quỹ tiền mặt tạm ứng cho nhân viên mua hàng 25.000.000 đồng.
10. Chuyển khoản tiền gửi ngân hàng nộp thuế cho nhà nước 12.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên vào tài khoản nguồn vốn kinh doanh.
2. Tính tổng phát sinh tăng, tổng phát sinh giảm và số dư cuối kỳ của tài khoản nguồn vốn kinh doanh.

3.3.10 Bài tập số 10

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Thành Thái, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Tài sản thiếu chờ xử lý tại đơn vị được doanh nghiệp xử lý bằng cách ghi vào chi phí là 10.000.000 đồng.
2. Xuất quỹ tiền mặt nộp phạt tiền nộp trễ báo cáo tài chính cho cơ quan thuế 15.000.000 đồng.
3. Ghi nhận giá trị thanh lý tài sản cố định vào thu nhập khác 10.000.000 đồng.
4. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 20.000.000 đồng
5. Nhận giấy báo nợ số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 10.000.000 đồng.

6. Khoản nợ không ai đòi được tính vào thu nhập khác trị giá 5.000.000 đồng.
7. Nhập quỹ tiền mặt tiền thanh lý công cụ , dụng cụ đã phân bổ hết giá trị 1.000.000 đồng.
8. Tài sản thừa chờ xử lý tại đơn vị được xử lý bằng cách ghi vào thu nhập khác 20.000.000 đồng.
9. Nhận giấy báo có số tiền khách hàng A nộp tiền phạt do vi phạm hợp đồng mua hàng trị giá 20.000.000 đồng.
10. Nhập kho 40.000.000 đồng nguyên vật liệu, khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 2.000.000 đồng, chưa rõ nguyên nhân chờ giải quyết.
11. Kiểm quỹ phát hiện thiếu 2.000.000 đồng và thừa hai chỉ vàng, trị giá ghi sổ của 1 lượng vàng là 10.000.000 đồng.
12. Vay ngắn hạn 50.000.000 đồng về nhập quỹ tiền mặt.

Yêu cầu :

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.

3.3.11 Bài tập số 11

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Hoàng Giang, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan :

1. Tính lương phải trả cho bộ phận quản lý doanh nghiệp 60.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 40.000.000 đồng.
2. Tính khấu hao phân bổ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp 10.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 20.000.000 đồng.
3. Thanh toán tiền lương cho người lao động ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 60.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 40.000.000 đồng.

4. Tiền điện, nước, điện thoại phải trả phát sinh ở bộ phận quản lý doanh nghiệp 20.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 10.000.000 đồng.
5. Chi phí tiếp khách đã chi bằng tiền mặt được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp 5.000.000 đồng, chi phí bán hàng 5.000.000 đồng.
6. Các chi phí khác đã chi bằng tiền mặt có liên quan đến bộ phận quản lý doanh nghiệp 15.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 5.000.000 đồng.
7. Báo hỏng một công cụ dụng cụ trị giá 2.000.000 đồng, phân bổ hai lần, giá trị thu hồi 200.000 đồng bằng tiền mặt.
8. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 20.000.000 đồng.
9. Mua sắm tài sản cố định trị giá 250.000.000 đồng bằng vay dài hạn ngân hàng.
10. Xuất quỹ tiền mặt 40.000.000 đồng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng.
11. Rút tiền gửi ngân hàng trả nợ vay dài hạn ngân hàng 130.000.000 đồng.
12. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán 40.000.000 đồng.

Yêu cầu :

Định khoản và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh vào sơ đồ tài khoản liên quan.

3.3.12 Bài tập số 12

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Anh Vũ, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan :

1. Dùng tiền mặt bổ sung thêm vốn kinh doanh 200.000.000 đồng.

2. Mua sắm tài sản cố định trị giá 250.000.000 đồng bằng vay dài hạn ngân hàng.
3. Xuất quỹ tiền mặt 100.000.000 đồng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng.
4. Rút tiền gửi ngân hàng trả nợ vay dài hạn ngân hàng 150.000.000 đồng.
5. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán 240.000.000 đồng.
6. Chuyển trái phiếu dài hạn thành trái phiếu ngắn hạn 450.000.000 đồng.
7. Xuất quỹ tiền mặt tạm ứng cho nhân viên mua hàng 25.000.000 đồng.
8. Chuyển khoản tiền gửi ngân hàng nộp thuế cho nhà nước 10.000.000 đồng.
9. Rút quỹ tiền mặt đem gửi vào ngân hàng 500.000.000 đồng.
10. Mua hàng hóa nhập kho thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 800.000.000 đồng.
11. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển là 20.000.000 đồng.
12. Dùng quỹ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản bổ sung nguồn vốn kinh doanh 300.000.000 đồng.
13. Thanh toán tiền lương cho người lao động ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 30.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 20.000.000 đồng.
14. Tiền điện, nước, điện thoại phải trả phát sinh ở bộ phận quản lý doanh nghiệp 10.000.000 đồng, bộ phận bán hàng 20.000.000 đồng.

15. Tài sản thiếu chờ xử lý tại đơn vị được doanh nghiệp xử lý bằng cách ghi vào chi phí là 20.000.000 đồng.
16. Xuất quỹ tiền mặt nộp phạt tiền nộp trễ báo cáo tài chính cho cơ quan thuế 25.000.000 đồng.
17. Cổ đông góp một tài sản cố định hữu hình trị giá : 200.000.000 đồng.
18. Vay ngắn hạn ngân hàng thanh toán cho nhà cung cấp : 80.000.000 đồng

Yêu cầu : Ghi sổ kép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3.13 Bài tập số 13

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Phát Đức, cách phân loại nguyên vật liệu tại đơn vị bao gồm các nhóm và các chủng loại sau đây :

1. Nhóm nguyên liệu chính :

- Bột : bột mì, bột năng, bột gạo, bột sắn dây, bột nếp.
- Sữa : sữa hộp, sữa chai, sữa bột.
- Đường : đường cát trắng, đường thừng, đường cát vàng, đường thẻ, mật đường, đường thẻ.
- Trứng gà, trứng vịt, trứng cút, trứng vịt muối, trứng bác thảo.

2. Nhóm vật liệu phụ :

- Màu : màu nước, màu bột.
- Dầu ăn : dầu đậu phộng, dầu mè, dầu đậu nành, dầu cải.
- Gia vị : bột ngọt, tiêu, dầu hào, bột nêm, muối, đường

3. Nhóm nhiên liệu :

- Củi.
- Than.
- Mạc cưa.
- Gas.
- Dầu lửa

Yêu cầu :

Hãy mở số cái, tài khoản cấp 2 và tài khoản cấp 3, cấp 4,... để theo dõi tình hình nguyên vật liệu tại đơn vị (các tài khoản được mở phải được đặt tên và số hiệu cụ thể theo quy định hiện hành).

3.3.14 Bài tập số 14

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Tiến Thành, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan :

1. Mua hàng hóa nhập kho trị giá 100.000.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt 40.000.000 đồng, phần còn lại nợ người bán.
2. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển 25.000.000 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi 10.000.000 đồng.
3. Nhập kho nguyên vật liệu trị giá 10.000.000 đồng và công cụ dụng cụ trị giá 20.000.000 đồng chưa thanh toán tiền cho người bán.
4. Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp một lượng hàng hóa trị giá 50.000.000 đồng và một tài sản cố định trị giá 100.000.000 đồng.
5. Xuất quỹ tiền mặt trả lương cho công nhân viên là 80.000.000 đồng và trả các khoản phải trả khác là 10.000.000 đồng.
6. Bán hàng thu bằng tiền mặt 20.000.000 đồng.

7. Xuất quỹ tiền mặt trả tiền chuyển hàng hóa đem đi bán là 2.000.000 đồng.
8. Tài sản thiếu chờ xử lý trị giá 2.000.000 đồng được giải quyết bằng cách tính vào chi phí khác.
9. Chuyển tài sản cố định có giá trị 6.000.000 đồng thành công cụ dụng cụ.
10. Nhân viên đơn vị thanh toán tạm ứng bằng lượng nguyên vật liệu trị giá 40.000.000 đồng và công cụ dụng cụ trị giá 20.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3.15 Bài tập số 15

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Tâm Châu, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan :

1. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt : 20.000.000 đồng.
2. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp là 35.000.000 đồng.
3. Cổ đông góp một tài sản cố định hữu hình trị giá : 200.000.000 đồng.
4. Vay ngắn hạn ngân hàng thanh toán cho nhà cung cấp : 80.000.000 đồng
5. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung vốn kinh doanh : 50.000.000 đồng.
6. Khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền gửi ngân hàng : 30.000.000 đồng.
7. Chi tiền mặt thanh toán lương cho công nhân viên : 40.000.000 đồng.

8. Nộp thuế cho ngân sách Nhà nước bằng tiền gửi ngân hàng : 40.000.000 đồng.
9. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác : 5.000.000 đồng.
10. Chi tiền mặt mua công cụ dụng cụ nhập kho : 2.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3.16 Bài tập số 16

Giả sử có các định khoản tại công ty TNHH Thành Công được cho như sau :

Định khoản :

1	Nợ	331		50.000.000
		Có	112	50.000.000

Định khoản :

2	Nợ	111		20.000.000
		Có	131	20.000.000

Định khoản :

3	Nợ	211		300.000.000
		Có	112	300.000.000

Định khoản :

4	Nợ	333		20.000.000
		Có	112	20.000.000

Định khoản :

5	Nợ	112		400.000.000
		Có	111	400.000.000

Định khoản :

6	Nợ	111		200.000.000
		Có	112	200.000.000

Định khoản :

7	Nợ	111		10.000.000
		Có	138	10.000.000

Định khoản :

8	Nợ	331		60.000.000
		Có	112	60.000.000

Định khoản :

9	Nợ	152		40.000.000
		Có	141	40.000.000

Định khoản :

10	Nợ	153		10.000.000
		Có	141	10.000.000

Định khoản :

11	Nợ	153		60.000.000
		Có	211	60.000.000

Định khoản :

12	Nợ	334		100.000.000
		Có	111	100.000.000

Định khoản :

13	Nợ	641		30.000.000
		Có	334	30.000.000

Định khoản :

14	Nợ	334		6.000.000
		Có	338	6.000.000

Định khoản :

15	Nợ	642		20.000.000
		Có	334	20.000.000

Định khoản :

16	Nợ	111		2.000.000
		Có	141	2.000.000

Định khoản :

17	Nợ	141		10.000.000
		Có	111	10.000.000

Định khoản :

18	Nợ	222		200.000.000
		Có	112	200.000.000

Định khoản :

19	Nợ	221		400.000.000
		Có	112	400.000.000

Định khoản :

20	Nợ	144		50.000.000
		Có	112	50.000.000

Yêu cầu :

Anh chị hãy nêu nội dung kinh tế (có thể xảy ra) của các định khoản được cho trên đây.

3.3.17 Bài tập số 17

Giả sử có các định khoản tại công ty TNHH Công Lập được cho như sau :

Định khoản :

1	Nợ	334		20.000.000
		Nợ	331	100.000.000
		Có	111	120.000.000

Định khoản :

2	Nợ	111		40.000.000
		Nợ	112	60.000.000
		Có	131	100.000.000

Định khoản :

3	Nợ	111		40.000.000
		Nợ	112	60.000.000
		Có	131	100.000.000

Định khoản :

4	Nợ	111		10.000.000
		Nợ	112	40.000.000
		Có	331	50.000.000

Định khoản :

5	Nợ	152		30.000.000
		Nợ	153	10.000.000
		Có	111	40.000.000

Định khoản :

6	Nợ	152		10.000.000
		Nợ	153	10.000.000
		Có	141	20.000.000

Định khoản :

7	Nợ	152		30.000.000
	Nợ	133		3.000.000
		Có	112	33.000.000

Định khoản :

8	Nợ	241		300.000.000
	Nợ	133		30.000.000
		Có	112	330.000.000

Định khoản :

9	Nợ	641		20.000.000
	Nợ	642		10.000.000
		Có	111	30.000.000

Định khoản :

10	Nợ	152		20.000.000
	Nợ	641		10.000.000
		Có	141	30.000.000

Định khoản :

11	Nợ	112		200.000.000
		Có	131	180.000.000
		Có	141	20.000.000

Định khoản :

12	Nợ	911		30.000.000
		Có	811	20.000.000
		Có	821	10.000.000

Định khoản :

13	Nợ	641		40.000.000
----	----	-----	--	------------

	Nợ	642		20.000.000
		C6	334	60.000.000
Định khoản :				
14	Nợ	333		30.000.000
	Nợ	338		20.000.000
		C6	111	50.000.000
Định khoản :				
15	Nợ	153		2.000.000
	Nợ	111		1.000.000
		C6	141	3.000.000
Định khoản :				
16	Nợ	641		20.000.000
		C6	111	18.000.000
		C6	112	2.000.000
Định khoản :				
17	Nợ	642		5.000.000
		C6	153	3.000.000
		C6	142	2.000.000
Định khoản :				
18	Nợ	152		100.000.000
	Nợ	156		500.000.000
		C6	331	600.000.000
Định khoản :				
19	Nợ	311		100.000.000
	Nợ	341		200.000.000
		C6	112	300.000.000

Định khoản :

20	Nợ	415		10.000.000
		Nợ	431	30.000.000
		Có	441	40.000.000

Định khoản :

21	Nợ	112		300.000.000
		Nợ	152	500.000.000
		Có	411	800.000.000

Định khoản :

22	Nợ	111		200.000.000
		Nợ	153	100.000.000
		Có	411	300.000.000

Định khoản :

23	Nợ	111		50.000.000
		Nợ	112	150.000.000
		Có	222	200.000.000

Định khoản :

24	Nợ	221		300.000.000
		Nợ	223	100.000.000
		Có	112	400.000.000

Định khoản :

25	Nợ	641		20.000.000
		Có	111	10.000.000
		Có	214	10.000.000

Yêu cầu :

Anh chị hãy nêu nội dung kinh tế (có thể xảy ra) của các định khoản được cho trên đây.

3.3.18 Bài tập số 18

Giả sử có các định khoản tại công ty TNHH Đồng Tâm được cho như sau :

Định khoản :

1	Nợ	627		20.000.000
	Nợ	641		XXX
		Có	111	30.000.000

Định khoản :

2	Nợ	627		20.000.000
	Nợ	641		30.000.000
	Nợ	642		XXX
		Có	112	60.000.000

Định khoản :

3	Nợ	627		20.000.000
	Nợ	641		30.000.000
	Nợ	642		50.000.000
		Có	334	XXX

Định khoản :

4	Nợ	214		120.000.000
	Nợ	811		XXX
		Có	211	150.000.000

Định khoản :

5	Nợ	211		50.000.000
	Nợ	635		XXX
		Có	111	60.000.000

Định khoản :

6	Nợ	222		120.000.000
---	----	-----	--	-------------

	Nợ	811		XXX
		C6	211	130.000.000
Định khoản :				
7	Nợ	152		40.000.000
		Nợ	138	10.000.000
		Nợ	133	XXX
		C6	331	55.000.000
Định khoản :				
8	Nợ	152		120.000.000
		Nợ	153	XXX
		C6	331	130.000.000
Định khoản :				
9	Nợ	627		25.000.000
		C6	111	10.000.000
		C6	141	XXX
		C6	153	10.000.000
Định khoản :				
10	Nợ	627		20.000.000
		Nợ	641	XXX
		Nợ	642	30.000.000
		C6	334	60.000.000
Định khoản :				
11	Nợ	152		200.000.000
		C6	331	XXX
		C6	338	10.000.000
Định khoản :				
12	Nợ	131		275.000.000

Có	511	XXX
Có	3331	25.000.000

Định khoản :

13	Nợ	335	20.000.000
	Nợ	641	XXX
	Có	241	30.000.000

Định khoản :

14	Nợ	112	20.000.000
	Nợ	152	10.000.000
	Có	131	XXX

Định khoản :

15	Nợ	111	20.000.000
	Nợ	112	XXX
	Có	311	230.000.000

Yêu cầu :

Hãy điền số thích hợp vào XXX trong các định khoản và nêu nội dung kinh tế (có thể xảy ra) của các định khoản được cho trên đây.

3.3.19 Bài tập số 19

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Kỳ Quang, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan :

1. Nhập kho 200.000.000 đồng nguyên vật liệu và 8.000.000 đồng công cụ dụng cụ chưa trả tiền cho người bán.
2. Vay ngắn hạn trả nợ người bán 200.000.000 đồng.
3. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 100.000.000 đồng và bằng tiền gửi ngân hàng 400.000.000 đồng.

4. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 200.000.000 đồng, trả nợ người bán 8.000.000 và nộp thuế cho Nhà nước 100.000.000 đồng.
5. Xuất kho 200.000.000 đồng nguyên vật liệu sử dụng cho trực tiếp sản xuất sản phẩm 175.000.000 đồng, phục vụ ở phân xưởng 20.000.000 đồng, phục vụ quản lý doanh nghiệp 5.000.000 đồng.
6. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân viên trong doanh nghiệp là 100.000.000 đồng, trong đó, công nhân trực tiếp sản xuất 60.000.000 đồng, nhân viên phân xưởng 25.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 15.000.000 đồng.
7. Chi tiền mặt thanh toán lương 100.000.000 đồng.
8. Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung quỹ đầu tư phát triển 100.000.000 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi 100.000.000 đồng.
9. Cổ đông góp thêm vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 200.000.000 đồng.
10. Mua tài sản cố định thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng 100.000.000 đồng.
11. Xuất quỹ tiền mặt 100.000.000 đồng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng.
12. Rút tiền gửi ngân hàng trả nợ vay dài hạn ngân hàng 150.000.000 đồng.
13. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán 240.000.000 đồng.
14. Chuyển trái phiếu dài hạn thành trái phiếu ngắn hạn 450.000.000 đồng.
15. Xuất quỹ tiền mặt tạm ứng cho nhân viên mua hàng 25.000.000 đồng.

16. Chuyển khoản tiền gửi ngân hàng nộp thuế cho nhà nước 10.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3.20 Bài tập số 20

Tại doanh nghiệp XYZ áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ kế toán hàng tồn kho và kết quả kiểm kê cuối kỳ cho thấy vật liệu tồn kho cuối kỳ là 3.000 kg. :

1. Tồn kho đầu kỳ : 2.000 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg = 40.000.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 1.500 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg, hóa đơn 2 : 500 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg.
2. Nhập kho trong tháng 9/2005 :
 - Ngày 07/09 : Nhập kho 8.000 kg, đơn giá 20.600 đồng/kg, thành tiền 164.800.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 7.500 kg, đơn giá 20.600 đồng/kg, hóa đơn 2 : 500 kg, đơn giá 20.600 đồng/kg.
 - Ngày 18/09 : Nhập kho 12.000 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg, thành tiền 252.000.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 10.000 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg, hóa đơn 2 : 2.000 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg.
3. Xuất kho trong kỳ :
 - Ngày 12/09 : 9.000 kg.
 - Ngày 28/09 : 10.000 kg.

Yêu cầu :

Hãy xác định trị giá vật liệu xuất kho trong kỳ và tồn kho cuối kỳ theo từng phương pháp tính giá vật liệu xuất kho khác nhau.

3.3.21 Bài tập số 21

Một doanh nghiệp sản xuất, sử dụng nguyên vật liệu, lao động và các yếu tố đầu vào khác để sản xuất sản phẩm A, trong kỳ có các số liệu liên quan được kế toán tập hợp trong các tài liệu sau :

Tài liệu 1 :

Số dư đầu kỳ của một số tài khoản như sau :

- Tài khoản 1521 : 54.000.000 đồng (đơn giá 5.400 đồng/kg).
- Tài khoản 1522 : 8.400.000 đồng (đơn giá 4.200 đồng/ kg).

Tài liệu 2 :

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Nhập kho 20.000 kg nguyên vật liệu chính đơn giá 4.900 đồng/kg, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho khách hàng. Do doanh nghiệp mua số lượng nhiều nên được hưởng chiết khấu thương mại trên giá chưa thuế là 100 đồng/kg và trừ vào số tiền nợ của khách hàng. Người bán giao hàng đến kho của doanh nghiệp.
2. Nhập kho 4.000 kg vật liệu phụ đơn giá 3.750 đồng/kg, thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí vận chuyển bốc dỡ thanh toán bằng tiền mặt là 630.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT.
3. Xuất kho nguyên vật liệu chính trực tiếp sản xuất sản phẩm là 16.000 kg.
4. Xuất kho 4.000 kg vật liệu phụ dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm, 1.000 kg dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.
5. Phân xưởng sản xuất báo hỏng một công cụ dụng cụ ở kỳ thứ 5, biết rằng công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 8 kỳ, trị giá ban đầu là 12.000.000 đồng, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 500.000 đồng.

6. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm 80.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý phân xưởng là 20.000.000 đồng.
7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương của CB-CNV.
8. Kế toán trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí và giảm mức khấu hao của kỳ này :
 - Dây chuyền sản xuất sản phẩm ở phân xưởng, nguyên giá là 240.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 20%.
 - Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động sản xuất, tổng nguyên giá là 600.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 10%.
 - Thiết bị chuyên dùng sử dụng cho sản xuất sản phẩm, nguyên giá 300.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm.
 - Doanh nghiệp trang bị thêm cho phân xưởng một thiết bị làm lạnh theo giá mua ghi trên hóa đơn có 10% thuế GTGT là 528.000.000 đồng, chưa thanh toán cho người bán, thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.
 - Mang một TSCĐ khác đi góp vốn liên doanh nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán là 840.000.000 đồng, đã khấu hao được hai năm 4 tháng, trị giá được các bên góp vốn liên doanh thống nhất là 600.000.000 đồng. TSCĐ này sử dụng ở phân xưởng sản xuất, thời gian khấu hao là 10 năm.
9. Khấu trừ vào tiền lương về khoản bồi thường thất thoát tài sản là 2.000.000 đồng, tạm ứng chưa hoàn trả là 3.000.000 đồng.
10. Chi tiền mặt thanh toán lương cuối kỳ cho CB-CNV, sau khi trừ các khoản khấu trừ lương.

Yêu cầu :

1. Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh.
2. Tính số dư cuối kỳ 1521, 1522, biết rằng, doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ. Mức khấu hao kỳ trước là 7.000.000 đồng.

3.3.22 Bài tập số 22

Giả sử có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty TNHH Hiệp Lực được cho trong các sơ đồ tài khoản như sau (đơn vị tính : 1.000 đồng) :

241		211	
		<u>XXX</u>	
(2a) 1.180.000		(1) 600.000	
(2b) 20.000	1.200.000 (2c)	(2c) 1.200.000	
		(3a) 1.920.000	
		(4) 600.000	
		(5) 840.000	
1.200.000	1.200.000	5.160.000	0
133		112	
<u>XXX</u>		<u>XXX</u>	
(1) 60.000			660.000 (1)
(2a) 118.000			1.198.000 (2a)
(3a) 192.000			8.000 (2b)
(5) 84.000			1.056.000 (3b)
454.000	0		2.922.000

152	
<u>XXX</u>	4.000 (2b)
	4.000

141	
<u>XXX</u>	2.000 (2b)
	2.000

111	
<u>XXX</u>	3.000 (2b)
	3.000

331	
(3b) 1.056.000	<u>XXX</u> 3.000 (2b) 2.112.000 (3a) 924.000 (5)
1.056.000	3.039.000

411	
	<u>XXX</u> 600.000 (4)
	600.000

627	
35.000.000	
35.000	

214	
	<u>XXX</u> 35.000 (6)
	35.000

Yêu cầu :

Hãy nêu định khoản của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3.23 Bài tập số 23

Tại doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại Hồng Lợi, có tình hình tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/1/2008 như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	50.000.000
2. Tiền mặt	173.500.000
3. Tiền gửi ngân hàng	130.000.000
4. Tạm ứng	165.000.000
5. Phải thu nội bộ	100.000.000
6. Nguyên vật liệu	33.000.000
7. Hàng đang đi trên đường	50.000.000
8. Tài sản cố định hữu hình	632.000.000
9. Hàng hóa	76.000.000
10. Tài sản cố định vô hình	322.000.000
11. Công cụ, dụng cụ	44.000.000
12. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	55.000.000
13. Ký quỹ ký cược ngắn hạn	20.000.000
14. Phải trả người bán	215.500.000
15. Vay ngắn hạn	289.000.000
16. Đầu tư vào công ty liên kết	20.00.000
17. Nguồn vốn kinh doanh	x

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.000.000
19. Hàng gửi đi bán	150.000.000
20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	100.000.000
21. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000
22. Lãi chưa phân phối	75.000.000
23. Phải trả phải nộp Nhà nước	16.500.000
24. Dự phòng phải trả	20.000.000
25. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.000.000
26. Đầu tư vào công ty con	600.000.000
27. Phải thu khách hàng	300.000.000
28. Phải trả khác	100.000.000

Trong tháng 2/2008 có các nghiệp vụ kinh tế sau đây phát sinh tại đơn vị được kế toán ghi nhận như sau :

1. Rút quỹ tiền mặt đem gửi vào ngân hàng 100.000.000 đồng.
2. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền người bán 120.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 1 tháng.
3. Dùng lãi chưa phân phối bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi là 40.000.000 đồng.
4. Cổ đông bổ sung vốn kinh doanh 200.000.000 đồng, đã nhập quỹ tiền mặt 50% và nhận được giấy báo có 50%.
5. Xuất quỹ tiền mặt mua công cụ, dụng cụ nhập kho trị giá 40.000.000 đồng.
6. Mua sắm tài sản cố định hữu hình trị giá 150.000.000 đồng bằng vay dài hạn ngân hàng.
7. Xuất quỹ tiền mặt 30.000.000 đồng trả nợ người bán.

8. Rút tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 50.000.000 đồng
9. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán 100.000.000 đồng.
10. Chuyển trái phiếu ngắn hạn thành trái phiếu dài hạn 25.000.000 đồng.
11. Nhân viên tại đơn vị thanh toán tạm ứng bằng một lượng nguyên vật liệu nhập kho trị giá 50.000.000 đồng.
12. Dùng tiền gửi ngân hàng nộp thuế cho nhà nước 10.000.000 đồng.
13. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp 100.000.000 đồng bằng chuyển khoản, doanh nghiệp đã nhận giấy báo có.
14. Tạm ứng cho nhân viên trong công ty 4.000.000 đồng bằng tiền mặt.
15. Vay ngắn hạn 100.000.000 đồng bằng chuyển khoản.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán tại đơn vị vào ngày 31/1/2008.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp trong tháng 2/2008.
3. Lập bảng cân đối tài khoản vào thời điểm cuối tháng 2 tại đơn vị.
4. Lập bảng cân đối kế toán vào thời điểm cuối tháng 2 tại đơn vị.

3.3.24 Bài tập số 24

Tại công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Đại Quang, có tình hình tài sản cố định tại ngày 1/1/2007 như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Nhà cửa, vật kiến trúc

- Nhà xưởng I	:	900.000.000
- Nhà xưởng II	:	700.000.000
- Trụ sở chính	:	800.000.000
- Trụ sở II	:	500.000.000
- Nhà kho chính	:	600.000.000
- Nhà kho chi nhánh	:	300.000.000

2. Máy móc thiết bị

- Dây chuyền sản xuất PXI	:	600.000.000
- Dây chuyền sản xuất PXII	:	400.000.000
- Máy phát điện PX I	:	150.000.000
- Máy phát điện PXII	:	120.000.000
- Máy photocopie trụ sở chính	:	60.000.000
- Máy photocopie trụ sở II	:	40.000.000
- Thiết bị làm lạnh	:	400.000.000

3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn :

- Xe đưa đón ban giám đốc	:	800.000.000
- Xe đưa nhân viên trụ sở chính	:	400.000.000
- Xe đưa nhân viên trụ sở II	:	600.000.000
- Xe vận tải nhỏ	:	800.000.000
- Xe vận tải lớn	:	900.000.000

Yêu cầu :

Hãy mở sổ cái, tài khoản cấp 2 và tài khoản cấp 3 để theo dõi tình hình tài sản cố định tại đơn vị (các tài khoản được mở phải được

đặt tên và số hiệu cụ thể theo quy định hiện hành). Hãy phản ánh số dư đầu kỳ vào các tài khoản có liên quan.

3.3.25 Bài tập số 25

Có tình hình tài sản và nguồn vốn vào ngày 31/12/2007 của doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ Trường Hải được kế toán ghi nhận như sau (đơn vị tính : đồng) :

1. Tiền mặt	15.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	50.000.000
3. Tiền gửi ngân hàng	45.000.000
4. Phải thu của khách hàng	140.000.000
5. Nguyên vật liệu	150.000.000
6. Tài sản cố định hữu hình	1.350.000.000
7. Thành phẩm	40.000.000
8. Vay ngắn hạn ngân hàng	140.000.000
9. Phải trả cho người bán	75.000.000
10. Phải trả công nhân viên	10.000.000
11. Nguồn vốn kinh doanh	1.490.000.000
12. Lãi chưa phân phối	35.000.000
13. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.000.000
14. Dự phòng phải trả	20.000.000
15. Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000

Trong tháng 1/2008 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Cổ đông góp thêm vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng là 100.000.000 đồng và bằng tiền mặt 20.000.000 đồng.

2. Vay ngắn hạn trả nợ cho người bán 15.000.000 đồng.
3. Nhận lại tiền ký quỹ ký cược ngắn hạn bằng tiền mặt 10.000.000 đồng.
4. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt là 10.000.000 đồng và bằng tiền gửi ngân hàng là 20.000.000 đồng.
5. Nhập kho 100.000.000 đồng nguyên vật liệu chưa trả cho người bán.
6. Chi tiền mặt trả lương công nhân viên 10.000.000 đồng.
7. Dùng lợi nhuận bổ sung nguồn vốn kinh doanh 2.000.000 đồng.
8. Dùng tiền gửi ngân hàng để trả nợ vay ngắn hạn 15.000.000 đồng và trả nợ cho người bán 25.000.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.
2. Ghi vào tài khoản (chữ T) tình hình đầu kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ và tính số dư cuối kỳ.
3. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ (ngày 31/1/2008).

CHƯƠNG 4

TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

4.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ

TSCĐ là tư liệu lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nhưng không thay đổi hình thái vật chất ban đầu, giá trị hao mòn của TSCĐ được chuyển dần vào giá trị sản phẩm dưới hình thức khấu hao.

Để ghi nhận TSCĐ phải thỏa mãn tiêu chuẩn là thời gian sử dụng trên 1 năm và có giá trị lớn trên 10.000.000 đồng (theo cơ chế hiện hành). Theo Quyết định 206 ngày 12/12/2003 thay thế Quyết định 166 ngày 31/12/1999 bổ sung thêm hai tiêu chuẩn nữa là tài sản chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và nguyên giá được đánh giá một cách đáng tin cậy.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn}$$

Nguyên giá TSCĐ : Giá mua (giá hóa đơn, giá ghi trên hợp đồng kinh tế, trên biên bản thỏa thuận, biên bản bàn giao...) hoặc giá được xác định bởi các bên liên doanh cộng với các chi phí trước khi sử dụng (lắp đặt, chạy thử,...).

Giá trị hao mòn : Số tiền trích khấu hao đưa vào chi phí liên quan. Khấu hao TSCĐ là chuyển dần giá trị hao mòn TSCĐ vào các chi phí có liên quan. Giá trị hao mòn TSCĐ được chuyển dần vào sản phẩm dưới hình thức khấu hao.

TSCĐ tăng kỳ này, được tính khấu hao ở kỳ kế tiếp sau. TSCĐ giảm kỳ này, kỳ sau mới thôi trích khấu hao. Theo Quyết định 206, TSCĐ tăng kỳ này thì trích khấu hao kỳ này, TSCĐ giảm kỳ này, thì kỳ này thôi trích khấu hao.

Số khấu hao kỳ này = Số khấu hao kỳ trước + Số khấu hao tăng (do TSCĐ tăng ở kỳ này - Số khấu hao giảm (do TSCĐ giảm ở kỳ này)

Trong thực tế, doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều phương pháp trích khấu hao khác nhau, tuy nhiên, tại Việt Nam, các doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng cơ chế tài chính ban hành. Do vậy, phương pháp trích khấu hao tài sản cố định (Ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) gồm có 3 phương pháp : Phương pháp khấu hao đường thẳng, Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh, Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

4.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG

4.2.1 Bài tập số 01

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Tường Hưng, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, có các số liệu liên quan đến tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu trong tháng 09/2006 như sau :

1. Tồn kho đầu kỳ : 2.000 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg = 40.000.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 1.500 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg, hóa đơn 2 : 500 kg, đơn giá 20.000 đồng/kg.
2. Nhập kho trong tháng 9/2005 :
 - Ngày 07/09 : Nhập kho 8.000 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg, thành tiền 168.000.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 7.500 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg, hóa đơn 2 : 500 kg, đơn giá 21.000 đồng/kg.

- Ngày 18/09 : Nhập kho 12.000 kg, đơn giá 22.000 đồng/kg, thành tiền 264.000.000 đồng. Gồm hai hóa đơn : Hóa đơn 1 : 10.000 kg, đơn giá 22.000 đồng/kg, hóa đơn 2 : 2.000 kg, đơn giá 22.000 đồng/kg.
- Ngày 25/09 nhập kho theo hóa đơn là 11.000 kg, đơn giá 25.000 đồng/kg, thành tiền là 275.000.000 đồng.

3. Xuất kho trong kỳ :

- Ngày 12/09 : 9.000 kg.
- Ngày 28/09 : 10.000 kg.

Yêu cầu :

Hãy xác định trị giá vật liệu xuất kho trong kỳ và tồn kho cuối kỳ theo từng phương pháp tính giá vật liệu xuất kho khác nhau.

Lời giải đề nghị :

Trị giá vật liệu xuất kho trong kỳ và tồn kho cuối kỳ theo từng phương pháp tính giá vật liệu xuất kho khác nhau :

Phương pháp thực tế đích danh :

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 12/9	1.500 * 20.000	=	30.000.000
	7.500 * 21.000	=	157.500.000
Tổng cộng	9.000		187.500.000

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 28/9	10.000 * 22.000	=	220.000.000
-----------	-----------------	---	-------------

Tồn kho cuối kỳ :

	500 * 20.000	=	10.000.000
	500 * 21.000	=	10.500.000

	2.000 * 22.000 =	44.000.000
	11.000 * 25.000 =	275.000.000
Tổng cộng	14.000	339.500.000

Thử lại :

$$\begin{aligned}\text{Tồn CK} &= \text{Tồn ĐK} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ} \\ &= 40.000.000 + 707.000.000 - 407.500.000 \\ &= 339.500.000\end{aligned}$$

Phương pháp FIFO (Nhập trước, xuất trước) :

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 12/9	2.000 * 20.000 =	40.000.000
	7.000 * 21.000 =	147.000.000
Tổng cộng	9.000	187.000.000

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 28/9	1.000 * 21.000 =	21.000.000
	9.000 * 22.000 =	198.000.000

Tồn kho cuối kỳ :

	3.000 * 22.000 =	66.000.000
	11.000 * 25.000 =	275.000.000
Tổng cộng	14.000	341.000.000

Thử lại :

$$\begin{aligned}\text{Tồn CK} &= \text{Tồn ĐK} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ} \\ &= 40.000.000 + 707.000.000 - 406.000.000 \\ &= 341.000.000\end{aligned}$$

Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước) :

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 12/9	1.000 * 20.000 =	20.000.000
	8.000 * 21.000 =	168.000.000
Tổng cộng	9.000	188.000.000

Nguyên vật liệu chính xuất kho :

Ngày 28/9	10.000 * 25.000 =	250.000.000
-----------	-------------------	-------------

Tồn kho cuối kỳ :

	1.000 * 20.000 =	20.000.000
	12.000 * 22.000 =	264.000.000
	1.000 * 25.000 =	25.000.000
Tổng cộng	14.000	309.000.000

Thử lại :

$$\begin{aligned} \text{Tồn CK} &= \text{Tồn ĐK} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ} \\ &= 40.000.000 + 707.000.000 - 438.000.000 \\ &= 309.000.000 \end{aligned}$$

Phương pháp thực tế bình quân gia quyền liên hoàn :

Đơn giá xuất kho ngày 12/9 :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{(2.000 * 20.000) + (8.000 * 21.000)}{10.000} = 20.800$$

Giá trị xuất kho ngày 12/9 :

$$\text{Giá trị xuất kho là : } 9.000 * 20.800 = 187.200.000$$

Đơn giá xuất kho ngày 28/9 :

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{(1.000 * 20.800) + (12.000 * 22.000) + (11.000 * 25.000)}{24.000} \\ &= 23.325 \end{aligned}$$

Giá trị xuất kho ngày 12/9 :

$$\text{Giá trị xuất kho là : } 10.000 * 23.325 = 233.250.000$$

Tồn kho cuối kỳ :

$$\text{Tổng cộng : } 14.000 * 23.325 = 326.550.000$$

Thử lại :

$$\begin{aligned} \text{Tồn CK} &= \text{Tồn ĐK} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ} \\ &= 40.000.000 + 707.000.000 - 420.450.000 \\ &= 326.550.000 \end{aligned}$$

Phương pháp thực tế bình quân gia quyền cuối kỳ :

Đơn giá xuất kho cuối kỳ :

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{(2.000 * 20.000) + (8.000 * 21.000) + (12.000 * 22.000) + (11.000 * 25.000)}{33.000} \\ &= 22.636 \end{aligned}$$

Giá trị xuất kho :

$$\text{Giá trị xuất kho 12/9 là : } 9.000 * 22.636 = 203.724.000$$

$$\text{Giá trị xuất kho 28/9 là : } 10.000 * 22.636 = 226.360.000$$

Tồn kho cuối kỳ :

$$\text{Tổng cộng : } 14.000 * 22.636 = 316.916.000$$

Thử lại :

$$\begin{aligned} \text{Tồn CK} &= \text{Tồn ĐK} + \text{Nhập trong kỳ} - \text{Xuất trong kỳ} \\ &= 40.000.000 + 707.000.000 - 430.084.000 \\ &= 316.916.000 \end{aligned}$$

4.2.2 Bài tập số 02

Có tình hình nhập kho 1 loại nguyên vật liệu A tại một doanh nghiệp trong tháng 9/2003 như sau :

STT	Ngày tháng	Đơn vị tính	Số lượng (kg)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
01	02/10/2003	Kg	500	60.000	30.000.000
02	05/10/2003	Kg	600	70.000	42.000.000
03	12/10/2003	Kg	400	80.000	32.000.000
04	18/10/2003	Kg	1.000	90.000	90.000.000
	Tổng cộng				194.000.000

Yêu cầu : Xác định đơn giá xuất kho theo các phương pháp xuất kho đã học.

Lời giải đề nghị :

Do đơn giá nhập kho không giống nhau, vấn đề đặt ra cho kế toán là khi xuất kho thì phải xuất kho theo đơn giá nào ?

◆ Phương pháp thực tế đích danh :

Xuất lần lượt hết loại có đơn giá này, đến loại có đơn giá khác, không phân biệt loại hàng này là nhập trước hay nhập sau.

Ví dụ : Cần xuất 1.200 kg nguyên vật liệu A, sẽ theo các giá sau đây :

	500 * 60.000	=	30.000.000
	600 * 70.000	=	42.000.000
	100 * 80.000	=	8.000.000
Tổng cộng	1.200		80.000.000

◆ Phương pháp FIFO (Nhập trước, xuất trước) :

Ví dụ : Cần xuất 900 kg nguyên vật liệu A, sẽ theo các giá sau đây :

	500 * 60.000	=	30.000.000
	400 * 70.000	=	28.000.000
Tổng cộng	900		58.000.000

◆ Phương pháp LIFO :

Ví dụ : Cần xuất 1.100 kg nguyên vật liệu A, sẽ theo các giá sau đây :

	1.000 * 90.000	=	90.000.000
	100 * 80.000	=	8.000.000
Tổng cộng	900		98.000.000

◆ Phương pháp thực tế bình quân gia quyền :

Ví dụ : Xuất kho 400 kg để sản xuất :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{194.000.000}{2.500} = 77.600$$

Giá trị xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền :

$$\text{Giá trị xuất kho là : } 400 * 77.600 = 31.040.000$$

◆ Phương pháp giá trị thực tế theo hệ số vật liệu :

Ví dụ : Lấy lại ví dụ trên và giả sử giá hạch toán là 80.000 đ/kg, số lượng xuất kho trong kỳ là 600 kg nguyên vật liệu :

$$\text{Hệ số xuất kho} = \frac{194.000.000}{2.500 * 80.000} = 0,97$$

Giá trị xuất kho theo phương pháp hệ số vật liệu :

$$\text{Giá trị xuất kho là : } 600 * 80.000 * 0,97 = 46.560.000$$

4.2.3 Bài tập số 03

Tại doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong kỳ có các nghiệp vụ phát sinh như sau :

1. Nhập kho công cụ – dụng cụ A mua của đơn vị X với giá mua 330.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, đã chuyển khoản cho người bán X 1/2 số tiền.
2. Nhập kho 5.000 kg nguyên vật liệu đơn giá 4.290 đồng/kg, gồm 10% thuế GTGT chưa thanh toán cho người bán K. Chi phí vận chuyển bốc dỡ là 500.000 đồng, thuế GTGT 5% đã thanh toán bằng tiền mặt.
3. Nhập kho công cụ – dụng cụ B mua của đơn vị Z với giá mua 180.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán Z.
4. Mua 1 TSCĐ giá mua là 592.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán H. Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình lắp đặt và chạy thử của TSCĐ này được kế toán tập hợp như sau :
 - a. Xuất kho 1.000 kg vật liệu dùng để sản xuất thử
 - b. Dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán khách hàng N 2.000.000 đồng.
 - c. Các chi phí khác phát sinh bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng.
5. Xuất kho công cụ – dụng cụ A có trị giá 100 triệu đồng cho phân xưởng sản xuất. Biết rằng trị giá công cụ – dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào chi phí sản xuất trong vòng 10 kỳ.

6. Xuất kho công cụ – dụng cụ B có trị giá 180.000.000 đồng cho đơn vị M thuê. Công cụ – dụng cụ B có thể được sử dụng trong 10 kỳ. Giá cho thuê mỗi kỳ là 26.400.000 đồng gồm 10% thuế GTGT, chưa thu tiền khách hàng M.
7. Công cụ – dụng cụ A sử dụng được 8 kỳ thì bị hỏng không thể sửa chữa. Doanh nghiệp đã nhập kho phế liệu thu hồi có trị giá 1.000.000 đồng.
8. Khách hàng M thuê được 6 kỳ thì chấm dứt hợp đồng thuê. Doanh nghiệp đã nhận lại số công cụ – dụng cụ cho thuê.

Yêu cầu : Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nêu trên.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho công cụ – dụng cụ A :

1a	Nợ	153A	300.000.000
	Nợ	133	30.000.000
	Có	331X	330.000.000

Thanh toán bằng TGNH 50% :

1b	Nợ	331X	165.000.000
	Có	112	165.000.000

Nhập kho nguyên vật liệu :

2a	Nợ	152	19.500.000
	Nợ	133	1.950.000
	Có	331K	21.450.000

Chi phí vận chuyển liên quan đến nhập kho nguyên vật liệu :

2b	Nợ	152	500.000
	Nợ	133	25.000
	Có	111	525.000